

ĐỔI MỚI VÀ HOÀN THIỆN QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI THEO HƯỚNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG

ThS. ĐẶNG NGỌC PHÚC

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

1. Đặt vấn đề

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội (ĐHSPHN) là một trong số ít cơ sở đào tạo sau đại học đầu tiên của Việt Nam. Do nhu cầu không ngừng nâng cao trình độ nghiên cứu, giảng dạy, ngay từ những năm đầu 1970, cán bộ giảng viên của trường đã nỗ lực tự đào tạo, tích lũy kinh nghiệm và thành tựu đào tạo sau/trên đại học. Năm 1976, Thủ tướng Chính phủ và Bộ Giáo dục và Đào tạo chính thức giao cho Trường ĐHSPHN nhiệm vụ đào tạo tiến sĩ, đào tạo sau đại học. Năm 1991, trường được giao nhiệm vụ đào tạo thạc sĩ. Số lượng các ngành và chuyên ngành đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ ngày càng mở rộng. Số học viên cao học và nghiên cứu sinh ngày càng tăng. Những năm gần đây, chỉ tiêu xét tuyển nghiên cứu sinh của Trường ĐHSPHN hàng năm đã lên tới con số 150. Đến tháng 3 năm 2014, trường đã và đang đào tạo 33 khóa nghiên cứu sinh, 23 khóa cao học; đã đào tạo 952 tiến sĩ thuộc 43 chuyên ngành, hơn 11500 thạc sĩ thuộc 51 chuyên ngành [10]. Số người đạt trình độ tiến sĩ khoa học, tiến sĩ, thạc sĩ được đào tạo tại Trường ĐHSPHN chiếm tỉ lệ đáng kể trong tổng số người có trình độ khoa học cao của cả nước. Đó là một cống hiến đáng ghi nhận của Trường ĐHSPHN cho ngành Giáo dục, cho xã hội. Nhiều nhà khoa học, nhiều thầy giáo, cô giáo của các học viện, viện nghiên cứu, các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp, trường phổ thông các cấp, nhiều cán bộ quản lý của ngành Giáo dục và nhiều ngành khác đã trưởng thành từ Trường ĐHSPHN đang phát huy tốt vai trò của mình trong nhiều lĩnh vực đời sống.

Tuy nhiên, cũng như nhiều trường đại học, các học viên và các viện nghiên cứu, cách quản lý đào tạo của Trường ĐHSPHN còn có những vấn đề bất cập, trong đó có vấn đề về các mô hình quản lý. Lâu nay chúng ta vẫn duy trì một số mô hình quản lý có tính truyền thống như:

- **Quản lý theo kiểu hành chính:** Từ cấp Bộ cho đến các cơ sở đào tạo (đại học, các học viện và các viện nghiên cứu) quản lý điều hành chủ yếu theo các văn bản, các quy định, các chỉ thị, các quyết định. Cách quản lý này đã có những kết quả nhất định, nhưng cũng bộc lộ nhiều hạn chế, yếu kém, bất cập làm giảm hiệu lực cơ chế quản lý tự chủ, tự quyết, quản lý hiệu năng

trong đào tạo. Chính vì lẽ đó, các cơ sở đào tạo đại học, sau đại học trong những năm gần đây đã đổi mới cách quản lý đào tạo theo mô hình quản lý tự chủ, để cao vút trò lãnh đạo, điều hành, kiểm soát, kiểm tra. Quản lý tự chủ có quan hệ mật thiết với quản lý hiệu năng, tăng theo sự tích hợp và thống nhất giữa quản lý sách lược và tự chủ quản lý;

- **Quản lý tập trung vào mục tiêu đào tạo:** Hướng vào đạt kết quả cuối cùng theo mục tiêu đặt ra theo cơ chế khoán công việc cho người thực thi từ đầu đến cuối. Thực ra cách quản lý này mới chỉ nhấn mạnh tính mục tiêu của sản phẩm đào tạo, quan tâm đầy đủ tới việc đáp ứng nhu cầu của nguồn sử dụng sản phẩm. Trong việc quản lý chất lượng đào tạo cần chú ý đồng bộ cả 2 tiêu chí:

+ Sự phù hợp của sản phẩm đào tạo với mục tiêu đào tạo.

+ Sự đáp ứng của sản phẩm đào tạo với nhu cầu người sử dụng.

Chính vì lẽ đó, Hội thảo "Đảm bảo chất lượng trong giáo dục Việt Nam" được tổ chức tại Đà Lạt ngày 4/6/2010, UNESCO (văn phòng khu vực châu Á - Thái Bình Dương) và Viện Nghiên cứu phát triển giáo dục đã khẳng định cần xem xét cách tiếp cận phức hợp giữa hai khía cạnh tiếp cận:

1) Tiếp cận theo mục tiêu giáo dục, coi chất lượng có mức độ trùng khớp với mục tiêu.

2) Tiếp cận theo nhu cầu xã hội, coi chất lượng có mức độ đáp ứng nhu cầu xã hội [4];

- **Mô hình quản lý theo chức năng quản lý đồng bộ các khâu:** Xây dựng kế hoạch đào tạo, thực hiện các khâu đào tạo: Dạy và học, hướng dẫn, thi, kiểm tra, đánh giá kết quả luận văn. Nhà quản lý thực hiện các chức năng chỉ đạo, kiểm tra thông qua cơ chế quản lý phân cấp theo chức năng quản lý cho từng cấp quản lý để điều hành toàn bộ công việc đào tạo.

Cả 3 mô hình quản lý nói trên đã và đang tiếp tục tồn tại trong các trường đào tạo. Để góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, trong đó có chất lượng đào tạo sau đại học cần có sự đổi mới, hoàn thiện quản lý quá trình đào tạo. Trong khuôn khổ của bài viết này, chúng tôi đi sâu vào cách tiếp cận quản lý đào tạo trình độ thạc sĩ theo hướng đảm bảo chất lượng đào tạo.

2. Một số vấn đề lí luận cơ bản về quản lý đào tạo, quản lý chất lượng đào tạo

2.1. Khái niệm chung về quản lý đào tạo

Thực chất và trung tâm của quản lý đào tạo là quản lý quá trình đào tạo.

Quản lý quá trình đào tạo là quản lý việc thực hiện các khâu của quá trình đào tạo, từ việc quản lý thực hiện mục tiêu đào tạo, quản lý xây dựng chương trình, nội dung đào tạo, quản lý việc tổ chức thực hiện kế hoạch quá trình đào tạo (tổ chức hoạt động dạy, hoạt động học với việc sử dụng các hình thức, phương pháp, các điều kiện đào tạo, quản lý việc kiểm tra, đánh giá chất lượng đào tạo, sản phẩm đào tạo diễn ra trong quy chế và môi trường đào tạo).

2.2. Khái niệm chất lượng đào tạo

Chúng tôi quan niệm chất lượng đào tạo là sự phù hợp của sản phẩm đào tạo với mục tiêu đào tạo và đáp ứng nhu cầu của người sử dụng.

Chất lượng đào tạo được thể hiện trong chất lượng của đầu vào với quá trình đào tạo và đầu ra.

2.3. Quản lý chất lượng đào tạo

Trước hết, chúng tôi nêu lên các nguyên tắc và yêu cầu của quản lý chất lượng nói chung.

2.3.1. Tám nguyên tắc của quản lý chất lượng

- Nguyên tắc 1: Hướng vào khách hàng (nguồn sử dụng sản phẩm);

- Nguyên tắc 2: Thiết lập sự thống nhất giữa mục đích và phương hướng của tổ chức, tạo ra và duy trì môi trường lôi cuốn mọi người tham gia để đạt được mục tiêu;

- Nguyên tắc 3: Huy động mọi người tham gia, sử dụng năng lực một cách hiệu quả;

2.3.2. Sáu yêu cầu của quản lý chất lượng (QMS)

- Yêu cầu 1: Chỉ ra được các quá trình cần thiết trong QMS;

- Yêu cầu 2: Xác định trình tự và mối quan hệ tương tác giữa các quá trình thực hiện;

 - Yêu cầu 3: Xác định các chuẩn mực chất lượng và các phương pháp đảm bảo cho việc tác nghiệp, kiểm soát các quá trình thực hiện một cách có hiệu lực;
 - Yêu cầu 4: Đảm bảo các nguồn lực và thông tin cần thiết hỗ trợ cho các hoạt động tác nghiệp và theo dõi kiểm soát các quá trình thực hiện;
 - Yêu cầu 5: Đo lường, theo dõi, phân tích, đánh giá các quá trình thực hiện;
 - Yêu cầu 6: Tiến hành có kết quả các hoạt động để

đạt mục tiêu đã định và cải thiện liên tục các quá trình quản lý nhằm gia tăng hiệu lực, hiệu quả quản lý.

2.4. Lựa chọn các mô hình quản lý chất lượng trong giáo dục đào tạo

Vấn đề ứng dụng các mô hình quản lý chất lượng trong giáo dục và đào tạo đã được nhiều quốc gia trên thế giới quan tâm. Trong đó có thể kể đến các mô hình sau:

- Mô hình ISO nêu lên bộ tiêu chuẩn ISO 9000 do tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc tế ban hành;

- Mô hình quản lý chất lượng EFQM – Mô hình quản lý chất lượng do Hiệp hội châu Âu đề xuất năm 2005;

- Mô hình các yếu tố tổ chức của SEAMEO (tổ chức Bộ trưởng Giáo dục các nước Đông Nam Á);

- Mô hình CIPO do UNESCO đề xuất trong chương trình hành động Dakar năm 2000.

2.4.1. Mô hình ISO 9000

Mục đích mô hình này cung cấp sản phẩm đào tạo đáp ứng các yêu cầu của khách hàng. Mô hình này đề cao tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của mọi thành viên trong các cơ sở, Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Các nguyên tắc cơ bản khi áp dụng mô hình ISO là:

- 1) Chất lượng đào tạo do hệ thống quản lý chất lượng quyết định;

- 2) Làm đúng ngay từ đầu, không mắc lỗi ở các bước tiến hành;

- 3) Lấy phòng ngừa là chính ở các khâu tác nghiệp;

- 4) Tăng cường chất lượng, hiệu quả quản lý theo mục tiêu và theo quá trình;

- 5) Thực hiện nguyên tắc 5W và 1H: Who (ai làm?), What (làm việc gì?), Where (làm ở đâu?), When (khi nào làm?), Why (tại sao?) và How (làm như thế nào?).

2.4.2. Mô hình EFQM

Mô hình quản lý chất lượng châu Âu được giới thiệu từ năm 1992 được coi là tiêu chuẩn ứng dụng đánh giá chất lượng châu Âu. Đặc trưng của mô hình EFQM là tính hiệu quả trong hệ thống quản lý, trong đó đặc biệt chú ý khả năng tự đánh giá của tổ chức.

2.4.3. Mô hình SEAMEO (Mô hình 5 yếu tố tổ chức)

5 yếu tố đánh giá chất lượng giáo dục đại học:

- 1) Đầu vào: Giảng viên, sinh viên, chương trình, quy chế, cơ sở vật chất, tài chính...;

- 2) Quá trình đào tạo: Mục tiêu, nội dung, phương pháp, quy trình, phương thức tổ chức đào tạo;

- 3) Kết quả đào tạo: Chương trình đào tạo đáp ứng mục tiêu đào tạo và yêu cầu của thị trường xã hội;

- 4) Đầu ra: Đáp ứng các nhu cầu xã hội;

- 5) Ảnh hưởng của sản phẩm đào tạo đối với kinh tế - xã hội.

2.4.4. Mô hình CIPO

Mô hình này do UNESCO đề xuất năm 2000 thể hiện qua 10 yếu tố:

- 1) Người học: Khoẻ mạnh, có năng lực, có động cơ học tập chủ động;

- 2) Giảng viên: Thành thạo tay nghề, được động viên đúng mục;
- 3) Chương trình thích hợp;
- 4) Phương pháp và kĩ thuật dạy - học tích cực;
- 5) Trang thiết bị, phương tiện, học liệu, công nghệ giáo dục thích hợp;
- 6) Mô hình học tập an toàn, an ninh, lành mạnh;
- 7) Hệ thống đánh giá phù hợp;
- 8) Hệ thống quản lí đồng bộ, dân chủ;
- 9) Tôn trọng, thu hút được cộng đồng tham gia;
- 10) Các thiết chế, chương trình giáo dục và nguồn lực thích hợp thỏa đáng và bình đẳng (chính sách đầu tư).

10 yếu tố trên xếp thành 3 thành tố cơ bản theo quan điểm quá trình giáo dục tổng thể: Từ đầu vào (input) – Quá trình (Process) – đến đầu ra (Output) trong bối cảnh cụ thể của môi trường kinh tế - xã hội (context).

Các mô hình quản lí nói trên đã được vận dụng trong quản lí giáo dục bậc Đại học và sau đại học ở nước ta, trong đó mô hình CIPO thể hiện sự phù hợp với quản lí chất lượng ở các trường đào tạo.

Điều đó đã được nói tới trong các công trình nghiên cứu có kết quả về quản lí giáo dục đại học [1] [2] [3] [5] [6].

Từ các mô hình trên, các nhà nghiên cứu đã đề cập tới 3 cấp độ từ thấp đến cao có quan hệ bổ sung cho nhau trong quản lí chất lượng giáo dục đó là:

1) *Mô hình kiểm soát chất lượng (Quality control-QC)*: Có lịch sử ra đời sớm nhất, kiểm soát chất lượng bao gồm các yếu tố của quá trình quản lí, trong đó việc kiểm tra và loại bỏ các sản phẩm không đáp ứng yêu cầu, tiêu chuẩn đề ra;

2) *Mô hình đảm bảo chất lượng (Quality Assurance-QA)*: Là toàn bộ hoạt động có kế hoạch và hệ thống được tiến hành trong hệ thống quản lí cần thiết để tạo ra sản phẩm thỏa mãn các yêu cầu về chất lượng;

3) *Quản lí chất lượng tổng thể (Total quality management-TQM)*: Đây là cách quản lí dựa trên sự đồng thuận và cam kết của mọi thành viên trong tổ chức đảm bảo cải thiện liên tục để không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm đáp ứng mục tiêu đề ra và đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng [7] [8] [9].

3. Vận dụng mô hình đảm bảo chất lượng (QA) vào việc đổi mới hoàn thiện và quản lí quá trình đào tạo trình độ thạc sĩ ở Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

- Theo "Tiêu chuẩn Việt Nam 5814": Đảm bảo chất lượng là toàn bộ hoạt động có kế hoạch và hệ thống chất lượng tạo ra sản phẩm thỏa mãn đầy đủ các yêu cầu về chất lượng, tạo ra sự tin tưởng thỏa đáng từ phía khách hàng;

- *Quản lí đào tạo theo hướng đảm bảo chất lượng (QA) là quản lí việc thực hiện các tiêu chuẩn, tiêu chí, các chỉ số đánh giá được đặt ra trong quá trình phấn đấu*

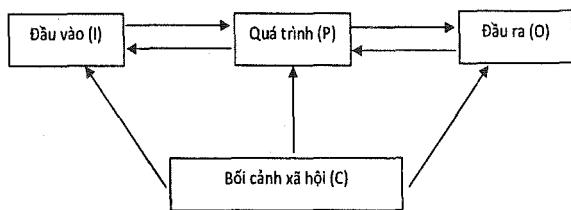
đạt chất lượng cao trong đào tạo. Quản lí đào tạo theo hướng đảm bảo chất lượng là quá trình đổi mới, cải tiến từng bước vững chắc và liên tục. Cơ sở đào tạo cần nghiên cứu, nắm vững các điều kiện thực tế, tiềm năng về mọi mặt trong đào tạo để có các biện pháp đổi mới, cải tiến quá trình đào tạo có hiệu quả và chất lượng cao, thu hẹp khoảng cách giữa yêu cầu cao về chất lượng (đáp ứng mục tiêu đào tạo và nhu cầu xã hội) với khả năng đào tạo của nhà trường;

- Chất lượng của một cơ sở đào tạo là chất lượng quản lí 3 thành tố: Đầu vào, quá trình, đầu ra trong ngữ cảnh của nhà trường và xã hội.

Có thể nêu lên một cách chung nhất mối quan hệ giữa các thành tố đảm bảo chất lượng theo mô hình CIPO:

- *Đầu vào (I):* Các nguồn lực
- + Người học, giảng viên, trang thiết bị, cơ sở vật chất, tài chính;
- + Chương trình, nội dung, tài liệu học tập...;
- + Môi trường dạy và học.
- *Quá trình (P):*
- + Kế hoạch đào tạo;
- + Phương pháp, phương thức, hình thức đào tạo;
- + Kiểm tra, đánh giá;
- + Vận hành của hệ thống quản lí đào tạo.
- *Đầu ra (O):* Chất lượng, kết quả đào tạo so với mục tiêu và yêu cầu xã hội.
- *Bối cảnh (C):*
- + Bối cảnh kinh tế - xã hội, khoa học công nghệ, văn hoá xã hội;
- + Cơ chế chính sách;
- + Sự tham gia của cộng đồng, xã hội hóa giáo dục.

Sơ đồ: Mối quan hệ giữa các thành tố đảm bảo chất lượng theo mô hình CIPO



Trong những năm gần đây, việc đào tạo và quản lí đào tạo trình độ thạc sĩ ở Trường ĐHSPHN đã vận dụng có kết quả những ưu thế của các loại mô hình đào tạo và quản lí đào tạo hiện hành ở các trường đại học Việt Nam, trong đó chú ý tới các loại mô hình kiểm soát chất lượng, đảm bảo chất lượng và bước đầu thực hiện việc vận dụng mô hình quản lí chất lượng tổng thể (TQM).

Để giữ vững và ngày càng phát huy nâng cao chất lượng đào tạo và thương hiệu là một cơ sở đào tạo lâu năm, có chất lượng với tư cách là một trường đại học sư phạm trọng điểm, trong việc góp phần vào việc đổi mới căn bản và toàn diện nền giáo dục Việt Nam, Trường

ĐHSPHN cần tiếp tục đổi mới và hoàn thiện quá trình đào tạo và quản lý đào tạo trình độ thạc sĩ lên một tầm cao mới; cần nghiên cứu và vận dụng một cách phù hợp các mô hình đào tạo có chất lượng cao, trong đó có mô hình đảm bảo chất lượng đào tạo.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Khánh Đức (2000), *Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn đảm bảo chất lượng đào tạo đại học và trung học chuyên nghiệp*, Hà Nội.
2. Joe Johnan (2003), *Tìm hiểu chất lượng có phải như bạn nghĩ không?*, NXB Trẻ.
3. Phan Văn Kha (2000), *Một số vấn đề về quản lý chất lượng đào tạo đại học*.
4. Hội thảo quốc tế về *đảm bảo chất lượng đào tạo đại học*, Viện Nghiên cứu Phát triển giáo dục - UNESCO PROAP, Đà Lạt.
5. Phạm Thành Nghị (2000), *Quản lý chất lượng giáo dục đại học*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
6. Nguyễn Quang Toàn (1999), ISO 9001:2000 & TQM – *Thiết lập hệ thống quản lý hướng vào chất lượng*,

NXB Thống kê, TP. HCM.

7. Phạm Ngọc Tuấn - Ngô Như Mai (2005), *Đảm bảo chất lượng*, NXB Đại học Quốc gia TP. HCM.

8. A. Gnanam - Antony Stella (2003), *Quality Assurance in Higher Education, Quality, Standards and Recognition*, Allied Publishers, Pvtlia N.4.

9. *Quality Assurance for Higher Education in Asia and the Pacific*, SEAMEO RIHCD-1998.

10. *Niêm giám đào tạo trình độ thạc sĩ khoa học khoa 21* (2014), NXB Đại học Sư phạm.

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO...

(Tiếp theo trang 47)

Nhà nước về giáo dục và giáo dục đại học đã được thể hiện trong Luật Giáo dục, trong Hiến pháp năm 2013. Nên ưu tiên hàng đầu tới phát triển hoàn thiện người thầy trong môi trường giáo dục đại học - yếu tố quan trọng nhất tác động đến chất lượng giáo dục đào tạo của nhà trường. Chỉ khi nâng cao được chất lượng của người thầy mới nâng cao được chất lượng đào tạo hệ đại học. Khi đó, Trường Đại học Văn hóa Hà Nội mới hoàn thành sứ mệnh của mình với hiện tại, cũng như thực hiện được những nghĩa vụ và sứ mệnh lịch sử với quá khứ, với tương lai của đất nước, của dân tộc Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Cẩm nang nghiệp vụ dành cho hiệu trưởng và kế toán trường học - Luật Giáo dục sửa đổi bổ sung và những quy định mới nhất về Giáo dục - Đào tạo* (2013), NXB Lao động.
2. *Chiến lược phát triển giáo dục đào tạo giai đoạn 2011 - 2020 theo QĐ số 711/QĐ-TTg ngày 13.06.2013.*
3. *Điều lệ trường đại học của Chính phủ - Ban hành theo Quyết định số 153/2003/QĐ-TTg ngày 30/07/2003.*
4. *Điều lệ trường đại học của Chính phủ - Ban hành theo Quyết định số 58/2010/QĐ-TTg ngày 22/09/2010.*
5. TSKH. Vũ Ngọc Hải - PGS.TS Trần Khánh Đức (đồng chủ biên) (2003), *Hệ thống giáo dục hiện đại trong những năm đầu thế kỷ XXI (Việt Nam và thế giới)*, NXB Giáo dục.
6. Phạm Minh Hạc (1995), *Giáo dục con người hôm nay và ngày mai*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
7. GS.VS Phạm Minh Hạc - PGS.TS Trần Kiều - PGS.TS

Đặng Bá Lãm - PGS.TS Nghiêm Đình Vỹ (2002), *Giáo dục thế giới đi vào thế kỷ XXI*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

8. *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, ngày 28.11.2013.

9. *Luật Giáo dục* (1998), NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

10. *Nghị quyết của Chính phủ số 14/2005/NQ-CP ngày 02 tháng 11 năm 2005 về Đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam giai đoạn 2006 - 2010.*

11. *Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo - số 29 - NQ/TW ngày 04/11/2013.*

12. John DeWey (1916), *Dân chủ và giáo dục* (bản dịch 2008), NXB Tri thức và Phạm Anh Tuấn (dịch).

SUMMARY

The premier goal of Vietnam education is to renovate radically and fundamentally higher education, to create human resources with high quality, to overcome challenges in process of development, integration and confirm its human resources training with high cultural quality, making contribution to the national economic development and growth. The Hanoi University of Culture just get one way in order to renew their education: enhance training quality of higher education. The article discussed about 6 factors directly affected quality of higher education in general and at The Hanoi University of Culture in particular in the guidance of classifying university levels in Vietnam.